

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH

Bản án số: 26/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 01/8/2018

V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình
(T- H)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Tăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thêu

2. Ông Lại Đức Lợi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 về “Tranh chấp hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXX-ST ngày 17/7/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị T – sinh năm 1976

Trú tại: thôn V, xã Đ, huyện H1, tỉnh Thái Bình

Hiện đang lao động tại Cộng hòa Sec, về nghỉ phép tại Việt Nam: Số nhà Y, đường Z, Bưu điện N, Cộng hòa Sec.

Bị đơn: Anh Phạm Quốc H – sinh năm 1972

HKTT: Thôn V, xã Đ, huyện H1, tỉnh Thái Bình

(Chị T, anh H có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt tại tòa án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/4/2018 và tại bản tự khai nguyên đơn chị Đặng Thị T trình bày:*

Chị và anh Phạm Quốc H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Đ, huyện H1, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/01/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian

thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do từ tháng 8/2007 vợ chồng thường xuyên xung đột cãi vã nhau, vì kinh tế khó khăn chị T phải đi giúp việc gia đình tại Cộng Hòa Séc. Mặc dù vợ vất vả nơi xứ người nhưng anh H ở nhà chơi cờ bạc không lo toan cho gia đình, con cái. Bố mẹ hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không được. Vì vậy hai bên ít liên lạc, không quan tâm với nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Quốc H.

Về con chung: Chị T trình bày vợ chồng sinh được 02 người con chung là Phạm Thị Hồng M sinh ngày 20/11/1994 và cháu Phạm Lã Duy M1 sinh ngày 20/9/2002. Hiện tại cháu M đã trưởng thành có gia đình riêng, cháu M1 hiện đang sinh sống cùng chị tại Cộng hòa Séc. Ly hôn chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cháu Phạm Lã Duy M1, cháu M1 cũng có đơn trình bày xin được ở với . Chị không yêu cầu anh H góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị

Về tài sản chung: Chị T trình bày vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Tại Bản tự khai, biên bản lấy lời khai, bị đơn – anh Phạm Quốc H trình bày:*

Anh và chị Đặng Thị T kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Đ, huyện H1, tỉnh Thái Bình vào ngày 02/01/1994. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2007 chị T đi lao động tại Cộng Hòa Séc, anh H ở nhà nuôi dưỡng, chăm sóc con. Đến khi cháu M1 học hết lớp 9 thì chị T đón cháu sang cộng hòa Séc sinh sống. Anh có nghe thông tin chị T có người mới ở bên đó. Chị T đi nước ngoài 11 năm về lần này là lần thứ 3. Trong 11 năm chị T đi nước ngoài chủ yếu anh là người làm ăn nuôi con, chị T ít quan tâm đến con cái. Hiện tại mỗi người đều có cuộc sống riêng, anh không thể níu kéo chị T, tình cảm vợ chồng cũng không còn, nay chị T muốn ly hôn, anh đồng ý ly hôn để giải thoát cho cả hai, để cả hai sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: vợ chồng anh sinh được 02 người con chung là Phạm Thị Hồng M sinh ngày 20/11/1994 và Phạm Lã Duy M1 sinh ngày 20/9/2002. Cháu M1 hiện đang sinh sống tại Cộng hòa Séc cùng chị T và cháu cũng có nguyện vọng được ở với chị T. Khi ly hôn anh đồng ý để chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu M1, anh không góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

Về tài sản chung: Anh H trình bày vợ chồng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Vì điều kiện công việc cũng như hoàn cảnh địa lý, anh H, chị T có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt tại Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành quy định của pháp luật

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị T được ly hôn anh H. Do chị T và anh H thống giao con chung cháu Phạm Lã Duy M1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu M1 đang sống cùng chị T tại Cộng hòa Sec cũng có đơn xin ở với mẹ, đề nghị HĐXX giao con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra giải quyết.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Đ, huyện H1, tỉnh Thái Bình hiện chị T đang sinh sống làm việc tại Cộng hòa Sec, vì vậy là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Chị T, anh H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các đương sự đã có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh H

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Đặng Thị T và anh Phạm Quốc H tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân (viết tắt UBND) xã Đ, huyện H tỉnh Thái Bình vào ngày 02/01/1994 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian, đến năm 2007 vì kinh tế khó khăn chị T phải sang Cộng hòa Sec lao động. Chị T trình bày chị đi lao động, anh H ở nhà không tu chí làm ăn, gia đình khuyên bảo nhiều lần nhưng không được. Anh H trình bày chị T sang bên Cộng Hòa Sec có người mới, hiện tại vợ chồng không liên lạc, không quan tâm đến nhau, mỗi người đều có cuộc sống riêng. Hai bên đều thừa nhận thực tế tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh H đã

đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị T, anh H được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] *Về quan hệ con chung*: Chị T và anh H có 02 con chung là Phạm Thị Hồng M sinh ngày 20/11/1994 và Phạm Lã Duy M1 sinh ngày 20/9/2002. Hiện tại cháu M đã trưởng thành, cháu M1 đang sinh sống cùng chị T tại Cộng Hòa Sec. Ly hôn anh chị thống nhất giao con chung Phạm Lã Duy M1 cho chị T1 được trực tiếp nuôi dưỡng, cháu M1 cũng có đơn xin ở với mẹ. Xét đề nghị của các bên đương sự là phù hợp với quy định của pháp luật, vì vậy cần giao con Phạm Lã Duy M1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh H chưa phải góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

[6] *Về quan hệ tài sản*: Chị T, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, nên không đặt ra giải quyết.

[7] *Về án phí*: Chị T phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[8] *Về quyền kháng cáo*: Chị T, anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Đặng Thị T và anh Phạm Quốc H

2. Về nuôi con chung: Giao con chung Phạm Lã Duy M1 sinh ngày 20/9/2002 cho chị Đặng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ góp cấp dưỡng nuôi con chung của anh H.

Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, có quyền xin thay đổi quyền nuôi con chung; đề nghị thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

3. Về phần tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Đặng Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân

sự tỉnh Thái Bình tại biên lai thu số 0008780 ngày 16/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- UBND xã Đ, h. H1;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP (3).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

Đỗ Mạnh Tăng